

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **201/2019/HNGĐ-ST**;

Ngày: 24/4/2019.

V/v “*Xin ly hôn*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Xuân**;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Anh Chiến**;

Bà Dương Hiền Huệ;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thủy Uyên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 598/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **PHẠM THỊ NGỌC L** - sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

2. *Bị đơn:* **TRẦN NGỌC H** - sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

(Chị L có mặt; anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc L trình bày:*

Chị và anh Trần Ngọc H cưới nhau vào năm 2005, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm

2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã cố gắng khuyên răn và hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không anh H không thay đổi, tình cảm vợ chồng nhạt phai nên chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con tên Trần Trung H – sinh ngày 04/01/2006 và Trần Thị Thanh T – sinh ngày 28/9/2007, hiện con đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H và cháu T, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu T.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Trần Ngọc H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Ngọc L về việc xin ly hôn, về yêu cầu nuôi con chung.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “Xin ly hôn”.

[1] Xét bị đơn anh Trần Ngọc H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh H.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc L, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Trần Ngọc H cưới nhau năm 2005, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L xin ly hôn với anh H với lý do anh H có tình cảm với người khác, chị đã khuyên răn và cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng anh H không thay đổi, tình cảm vợ chồng nhạt phai nên chị L và anh H đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Tại phiên tòa chị L vẫn cương quyết xin ly hôn với anh H, phía anh H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa cho thấy anh H không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng

giữa chị L và anh H không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Xét yêu cầu nuôi cháu Trần Trung H - sinh ngày 04/01/2006 và Trần Thị Thanh T – sinh ngày 28/9/2007 của chị L là có cơ sở vì cháu H và cháu T đang sống với chị L đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt; đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H và cháu T muốn được sống với chị L. Phía anh H không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng cháu H và cháu T và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu H và cháu T cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu T.

Về tài sản chung: Chị L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm do được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội vì chị là cá nhân thuộc hộ cận nghèo.

[3] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.
- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc L.

Về tình cảm: Chị Phạm Thị Ngọc L được ly hôn với anh Trần Ngọc H.

Về con chung: Giao cháu Trần Trung H – sinh ngày 04/01/2006 và Trần Thị Thanh T – sinh ngày 28/9/2007 cho chị Phạm Thị Ngọc L nuôi dưỡng cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Trần Ngọc H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Hoàn lại cho chị Phạm Thị Ngọc L 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà chị đã tạm nộp theo biên lai số 0015418 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA